

NGHỊ QUYẾT

Quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHOÁ IX- KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 4260/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021 - 2025.

1. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có nhu cầu, đăng ký tham gia các chương trình đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đang học tại các trường Đại học, Cao đẳng trong và ngoài tỉnh có tham gia các chương trình đào tạo theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam với nước tiếp nhận hoặc theo các chương trình vừa học, vừa làm trình độ Đại học, Cao đẳng tại các Trường Đại học, Cao đẳng ở nước ngoài có ký kết hợp tác giữa 02 bên đào tạo.

2. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động, học sinh, sinh viên trước khi xuất cảnh.

Tổng kinh phí hỗ trợ tối đa cho một người lao động, học sinh, sinh viên gồm các khoản chi cụ thể như sau:

T T	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá tối đa (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề.	Khóa	1	4.000.000	4.000.000
2	Hỗ trợ chi phí đào tạo ngoại ngữ.	Khóa	1	3.000.000	3.000.000
3	Hỗ trợ bồi dưỡng kiến thức cần thiết (giáo dục định hướng).	Khóa	1	530.000	530.000
4	Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo nghề, đào tạo ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức tổng cộng 6 tháng (26 ngày/tháng x 6 tháng = 156 ngày).	Ngày	156	40.000	6.240.000
5	Hỗ trợ tiền ở 200.000 đồng/tháng.	Tháng*	6	200.000	1.200.000
6	Hỗ trợ chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho cả khóa.	Khóa	1	300.000	300.000
7	Hỗ trợ chi phí làm thủ tục xuất cảnh.				
-	<i>Lệ phí cấp hộ chiếu.</i>	Người	1	200.000	200.000
-	<i>Phí cung cấp lý lịch tư pháp.</i>	Người	1	200.000	200.000
-	<i>Lệ phí làm thị thực (visa).</i>	Người	1	1.000.000	1.000.000
-	<i>Chi phí khám sức khỏe.</i>	Người	1	750.000	750.000
Cộng					17.420.000

- Đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất được hỗ trợ tối đa không quá 17.420.000 đồng/người.

- Đối với các đối tượng khác được hỗ trợ bằng 70% mức hỗ trợ nêu trên, tối đa không quá 12.194.000 đồng/người.

Số lần được hỗ trợ: Mỗi đối tượng chỉ được hỗ trợ một lần các khoản chi phí nêu trên.

* Trong giai đoạn 2021-2025, nếu Trung ương quy định và phân bổ kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí không hoàn lại cho các đối tượng nêu trên thì sử dụng Ngân sách Trung ương phân bổ để thực hiện; trường hợp Trung ương chưa quy định và không phân bổ kinh phí thì thực hiện theo chính sách này.

b) Cho vay tín chấp

- Điều kiện vay vốn: Người lao động, học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận; không có tiền án, tiền sự, không thuộc diện cấm xuất cảnh tại Việt Nam và cấm nhập cảnh nơi đến làm việc; có hợp đồng ký giữa người lao động, học sinh, sinh viên với doanh nghiệp (công ty phái cử), tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Mức vay: Mức vay cụ thể đối với từng đối tượng căn cứ vào nhu cầu vay vốn của người vay để trang trải chi phí theo hợp đồng, khả năng trả nợ của người vay và khả năng nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển sang Ngân hàng chính sách xã hội nhưng tối đa không vượt quá 150 triệu đồng/người (áp dụng cho tất cả các đối tượng), tùy theo thị trường. Chia làm 02 giai đoạn cho vay, cụ thể:

+ Giai đoạn 1: Giải ngân tối đa 40 triệu đồng/người sau khi người lao động, học sinh, sinh viên trúng tuyển đơn hàng và được doanh nghiệp (công ty phái cử) hay tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc, học tập ở nước ngoài thông báo chính thức bằng văn bản.

+ Giai đoạn 2: Giải ngân phần chi phí còn lại (sau khi người lao động, học sinh, sinh viên có tư cách lưu trú, visa ở nước ngoài và được doanh nghiệp thông báo thời gian xuất cảnh) trong hợp đồng ký kết giữa người lao động, học sinh, sinh viên và doanh nghiệp hay tổ chức sự nghiệp đưa người lao động, học sinh, sinh viên đi làm việc, học tập ở nước ngoài.

- Thời hạn vay: Việc xác định thời hạn cho vay được căn cứ vào thời hạn hợp đồng được ký giữa người lao động, học sinh, sinh viên với doanh nghiệp (công ty phái cử), tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc, học tập ở nước ngoài và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá thời hạn ghi trong hợp đồng.

- Lãi suất cho vay: Lãi suất vay vốn ưu đãi đối với người lao động, học sinh, sinh viên đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn theo quy định.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách tỉnh

Hàng năm nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh để giải ngân cho đối tượng vay vốn đi làm việc, học tập ở nước

ngoài theo hợp đồng và phân bổ nguồn kinh phí hỗ trợ không hoàn lại cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ kịp thời cho đối tượng.

2. Nguồn ngân sách Trung ương và nguồn Quỹ Quốc gia về việc làm được Trung ương phân bổ hằng năm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 05 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ, ngành: Tư pháp, LĐTBXH, Nội Vụ, Tài chính, GD-ĐT, NHNNVN, NHCSXHVN;
- TT.TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: TP, LĐTBXH, NV, TC, GD-ĐT, Trường ĐHTV, Trường CĐ nghề, NHNN, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Trà Vinh, Cục Thống kê;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Kim Ngọc Thái